

Số: 01 /2019/QĐ-UBND

Lai Châu, ngày 21 tháng 01 năm 2019

SỞ TƯ PHÁP TỈNH LAI CHÂU	
CÔNG	Số:..... <u>49</u>
VĂN	Ngày:..... <u>28/01/19</u>
ĐẾN	Chuyên:.....

QUYẾT ĐỊNH

Quy định hệ số điều chỉnh giá đất
năm 2019 trên địa bàn tỉnh Lai Châu

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về giá đất;

Căn cứ Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;

Căn cứ Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Nghị định số 104/2014/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ quy định về khung giá đất;

Căn cứ Nghị định số 135/2016/NĐ-CP ngày 09 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 123/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Thông tư số 76/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;

Căn cứ Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Thông tư số 332/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 76/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;

Căn cứ Thông tư số 333/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Thực hiện ý kiến của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh tại Văn bản số 11/HĐND-VP ngày 15 tháng 01 năm 2019 về việc quy định hệ số điều chỉnh giá đất trên địa bàn tỉnh Lai Châu năm 2019;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quyết định này quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2019 để tính thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất đối với tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

2. Các nội dung khác không quy định tại Quyết định này thực hiện theo quy định của Luật Đất đai, các Nghị định của Chính phủ, các Thông tư hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Tài chính và các văn bản khác có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước về đất đai, cơ quan có chức năng xác định giá đất cụ thể.

2. Tổ chức kinh tế, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, hộ gia đình, cá nhân được Nhà nước cho phép chuyển mục đích sử dụng đất, giao đất, cho thuê đất có thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất.

3. Các cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân khác có liên quan

Điều 3. Hệ số điều chỉnh giá đất

1. Đất nông nghiệp: Gồm đất trồng lúa nước 2 vụ, đất trồng lúa nước 1 vụ, đất trồng cây hàng năm khác, đất nuôi trồng thủy sản, đất trồng cây lâu năm, đất nương rẫy, đất rừng sản xuất có hệ số điều chỉnh giá đất bằng 1 ($k = 1$) đối với các vị trí trên địa bàn các huyện, thành phố.

2. Đất phi nông nghiệp

(Có biểu phụ lục kèm theo)

Điều 4. Các trường hợp áp dụng hệ số điều chỉnh giá đất

1. Quy định tại Điểm a, Khoản 2, Điều 18 Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về giá đất, đã được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 4 Điều 3 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai, cụ thể:

a) Các trường hợp quy định tại các Điểm a, b, c và d, Khoản 4, Điều 114, Khoản 2, Điều 172 và Khoản 3 Điều 189 của Luật Đất đai, xác định giá đất để làm giá khởi điểm đấu giá quyền sử dụng đất khi Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất, cho thuê đất thu tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê mà thửa đất hoặc khu đất của dự án có giá trị (*tính theo giá đất trong bảng giá đất*) dưới 10 tỷ đồng.

b) Xác định giá đất để làm căn cứ tính tiền thuê đất khi Nhà nước cho thuê đất thu tiền thuê đất hàng năm mà phải xác định lại đơn giá thuê đất để điều chỉnh cho chu kỳ tiếp theo.

c) Xác định giá đất để làm cơ sở xác định giá khởi điểm đấu giá quyền sử dụng đất khi Nhà nước cho thuê đất thu tiền thuê đất hàng năm.

2. Quy định tại Điểm c, Khoản 3, Điều 3 Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất, cụ thể:

Đối với trường hợp diện tích tính thu tiền sử dụng đất của thửa đất hoặc khu đất có giá trị (*tính theo giá đất trong Bảng giá đất*) dưới 10 tỷ đồng áp dụng để xác định tiền sử dụng đất trong các trường hợp:

a) Tổ chức được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất, công nhận quyền sử dụng đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất;

b) Hộ gia đình, cá nhân được Nhà nước giao đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất;

c) Hộ gia đình, cá nhân được Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đối với diện tích đất ở vượt hạn mức.

3. Quy định tại Khoản 5, Điều 4, Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước, đã được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 1, Điều 3, Nghị định số 123/2017/NĐ-CP ngày 14/11/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước.

a) Xác định đơn giá thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm đối với trường hợp thuê đất sử dụng vào mục đích kinh doanh thương mại, dịch vụ, bất động sản khai thác khoáng sản; xác định đơn giá thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê

không thông qua hình thức đấu giá; xác định đơn giá thuê đất khi chuyển từ thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm sang thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê theo quy định tại Khoản 2, Điều 172, Luật Đất đai; xác định đơn giá thuê đất khi nhận chuyển nhượng tài sản gắn liền với đất thuê theo quy định tại Khoản 3, Điều 189, Luật Đất đai; xác định đơn giá thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm và đơn giá thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê khi cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước được áp dụng trong trường hợp diện tích tính thu tiền thuê đất của thửa đất hoặc khu đất có giá trị (*tính theo giá đất trong Bảng giá đất*) dưới 10 tỷ đồng.

b) Xác định đơn giá thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm cho chu kỳ ổn định tiếp theo đối với thửa đất hoặc khu đất được Nhà nước cho thuê sử dụng vào mục đích kinh doanh thương mại, dịch vụ, bất động sản, khai thác khoáng sản có giá trị (*tính theo giá đất trong Bảng giá đất*) từ 10 tỷ đồng trở lên.

c) Xác định đơn giá thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm (*không bao gồm trường hợp thuê đất sử dụng vào mục đích kinh doanh thương mại, dịch vụ, bất động sản, khai thác khoáng sản*).

d) Xác định giá khởi điểm trong đấu giá quyền sử dụng đất để cho thuê theo hình thức thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Sở Tài chính có trách nhiệm: Hàng năm, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, Cục Thuế tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố căn cứ Bảng giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định, thông tin giá đất chuyển nhượng thực tế trên thị trường để rà soát, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, bổ sung, sửa đổi hệ số điều chỉnh giá đất cho phù hợp với tình hình thực tế.

2. Cơ quan thuế có trách nhiệm: Căn cứ hệ số điều chỉnh giá đất quy định tại Quyết định này và các quy định của pháp luật có liên quan để xác định và thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo quy định.

3. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc về giá đất (*sau khi áp dụng hệ số*) để xác định nghĩa vụ tài chính thì Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các ngành liên quan có trách nhiệm phản ánh, đề xuất ý kiến gửi về Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

Điều 6. Hiệu lực thi hành và trách nhiệm thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2019 và thay thế Quyết định số 02/2017/QĐ-UBND ngày 18/01/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu quy định về hệ số điều chỉnh giá đất năm 2017 trên địa bàn tỉnh Lai Châu và Quyết định số 15/2017/QĐ-UBND ngày 19/6/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu sửa đổi, bổ sung Điều 2 Quyết định số 02/2017/QĐ-UBND ngày 18/01/2017.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh. Giám đốc các Sở: Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Tư pháp; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

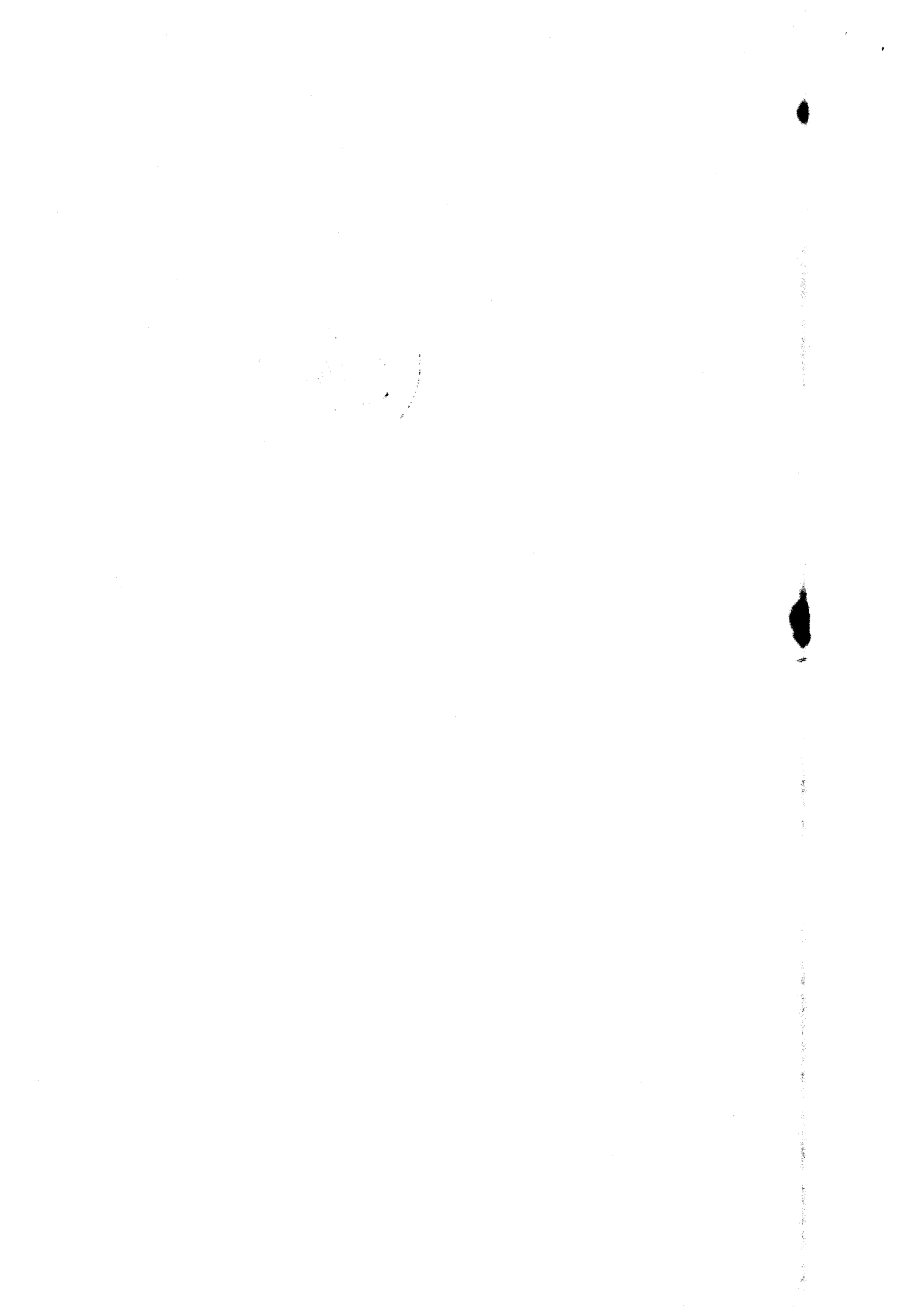
Nơi nhận:

- Như Điều 6;
- Bộ Tư pháp: Cục kiểm tra văn bản;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- T.Trực Tỉnh uỷ;
- T.Trực HĐND Tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Ủy ban MTTQ tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Đài PT-TH;
- Báo Lai Châu;
- Lưu: VT, TN.

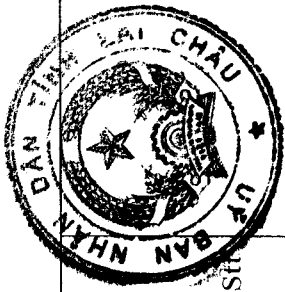
**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Đỗ Ngọc An



Stt	Tên đơn vị hành chính	Hệ số điều chỉnh giá đất											
		Đất ở						Đất thương mại, dịch vụ; đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp không phải đất là thương mại dịch vụ tại nông thôn					
		KV1			KV2			KV3					
VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3		
3	Xã Phúc Thạn	Quốc lộ 32: Đoạn từ điểm giao với đường rẽ vào bản Nà Phát đến tiếp giáp cầu Che Bó	1,5	1,2	1			1,5	1,2	1			
		Quốc lộ 279: Đoạn từ ngã ba Quốc lộ 279 đường đi Văn Bàn đến hết ranh giới đất nhà ông Tòng Văn Thông	1,5	1,2	1			1,5	1,2	1			
		Quốc lộ 32: Đoạn từ cầu Mường Than đến tiếp giáp đường rẽ vào bản Nà Phát	1,5	1,2	1			1,5	1,2	1			
		Quốc lộ 32: Đoạn từ cầu Che Bó đến hết địa phận xã	1,5	1,2	1		1,5	1,2	1				
		Các tuyến đường còn lại trên địa bàn xã	1,44	1,1	1,0	1,2	1,0	1,44	1,1	1,0	1,2	1	1
4	Xã Mường Kim												
		Quốc lộ 32: Đoạn từ địa phận trường cấp 2 đến giáp cầu sắt	1,5	1,2	1			1,5	1,2	1			
		Quốc lộ 32: Đoạn từ tiếp giáp địa phận trường cấp 2 đến giáp địa phận xã Mường Cang	1,5	1,2	1			1,5	1,2	1			
		QL 279: Đoạn từ tiếp giáp QL32 - Ngã ba Mường Kim đến cầu Mường Kim	1,5	1,2	1			1,5	1,2	1			
		QL 279: Đoạn từ cầu Mường Kim đến đường rẽ vào nhà máy thủy điện	1,5	1,2	1			1,5	1,2	1			
		Các tuyến đường còn lại trên địa bàn xã	1,44	1,1	1,0	1,2	1	1,44	1,1	1,0	1,2	1	1



Tên đơn vị hành chính		Hệ số điều chỉnh giá đất																				
		Đất ở						Đất thương mại, dịch vụ; đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp không phải đất là thương mại dịch vụ tại nông thôn														
		KV1			KV2			KV3			KV1		KV2		KV3							
VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2						
5	Các xã còn lại trên địa bàn huyện											1,44	1,1	1,0	1,2	1	1,44	1,1	1,0	1,2	1	1
II Huyện Tân Uyên																						
1	Các xã: Tân Thuộc, Phúc Khoa, Trung Đồng, Pắc Ta											1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
2	Quốc lộ 32: Đoạn từ tiếp giáp địa phận thị trấn Tân Uyên đến hết ranh giới đất quy hoạch Bến xe, Chợ xã Tân Thuộc											1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
3	Quốc lộ 32: Đoạn từ Hạt Kiểm Lâm huyện đến hết ranh giới đất quy hoạch chung đô thị thị trấn Tân Uyên đến năm 2030											1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
4	Các đường nhánh thuộc mặt bằng dự án: Phát triển quỹ đất bố trí đất ở dân cư											1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
5	Các xã còn lại trên địa bàn huyện											1,44	1,1	1,0	1,2	1	1,44	1,1	1,0	1,2	1	1
III Huyện Tam Đường																						
1	Các xã: Sơn Bình, Hồ Thầu, Thèn Sin, Giang Ma											1	1,1	1	1,2	1	1	1,1	1	1,2	1	1
2	Đường Trường Chinh (xã Sùng Phái)											1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
3	Quốc lộ 4D: Đoạn từ tiếp giáp thị trấn Tam Đường đến hết địa phận xã Bình Lư											1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
4	Quốc lộ 32: Đoạn từ trụ sở UBND xã Bản Bo đến nghĩa trang bản Hưng Phong, xã Bản Bo											1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1

CMH

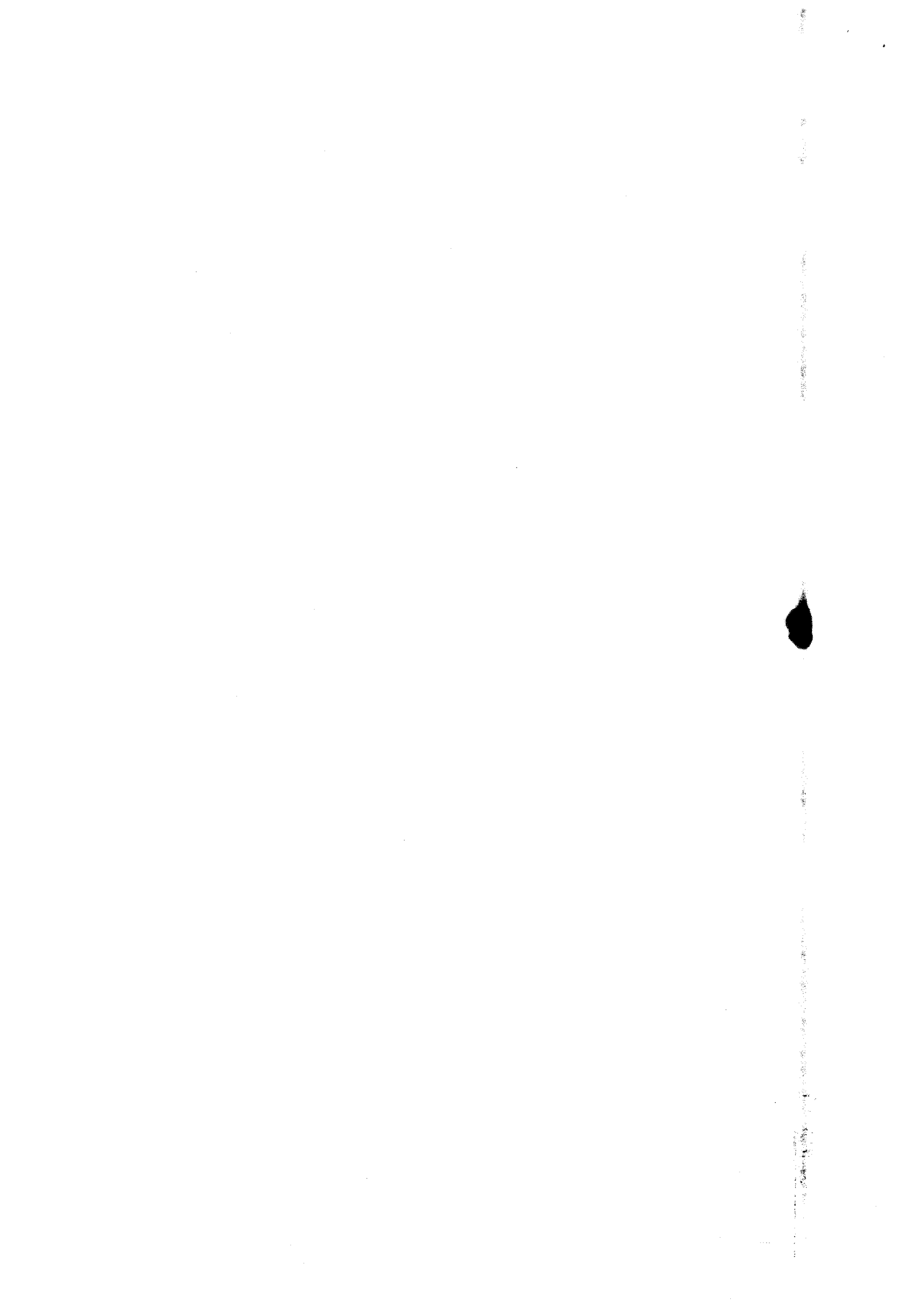
Stt	Tên đơn vị hành chính	Hệ số điều chỉnh giá đất						Đất thương mại, dịch vụ; đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp không phải đất là thương mại dịch vụ tại nông thôn					
		Đất ở											
		KV1			KV2				KV3				
VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3		
5	Tuyến đường Tam Dương - Bàn Hôn - Bình Lư: Đoạn từ tiếp giáp địa phận thành phố Lai Châu, đến tiếp giáp ngã ba đi vào Trung tâm xã Bản Giang	1	1	1				1	1	1			
6	Tuyến đường Tam Dương - Bàn Hôn - Bình Lư: Đoạn từ ngã ba đi vào trung tâm xã Bản Giang, đến tiếp giáp địa phận xã Bàn Hôn	1	1	1				1	1	1			
7	Tuyến đường Nùng Nàng - Nậm Tăm: Đoạn từ Dải lộ Lê Lợi kéo dài tiếp giáp với thành phố Lai Châu đến ngã ba nối với đường cũ từ thành phố Lai Châu đi Nùng Nàng	1	1	1				1	1	1			
8	Tuyến đường Nùng Nàng - Nậm Tăm đến thành phố Lai Châu đoạn qua bản Lao Ty Phùng	1	1	1				1	1	1			
9	Các xã còn lại trên địa bàn huyện	1,44	1,1	1,0	1,2	1	1	1,44	1,1	1,0	1,2	1	1
IV Thành phố Lai Châu													
1	Đường tránh chợ San Thàng: Đoạn từ tiếp giáp ngã tư đường 30-4, đường Trường Chinh đến tiếp giáp đường QL 4D (xã San Thàng)	1	1	1				1	1	1			
2	Quốc lộ 4D: Đoạn từ ngã tư đường 30-4, đường Trường Chinh đến cửa hàng xăng dầu số 18 (xã San Thàng)	1	1	1				1	1	1			
3	Đường Nguyễn Trãi: Đoạn từ tiếp giáp công Trường tiểu học Nậm Loông đến tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp (xã Nậm Loông)	1	1	1				1	1	1			

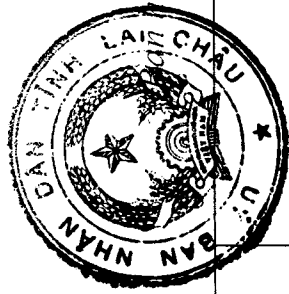
Handwritten signature



Stt	Tên đơn vị hành chính	Hệ số điều chỉnh giá đất											
		Đất ở						Đất thương mại, dịch vụ; đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp không phải đất là thương mại dịch vụ tại nông thôn					
		KV1		KV2		KV3		KV1		KV2		KV3	
VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT1	VT2	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3	
4	Quốc lộ 4D: Đoạn từ tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp đến hết địa phận xã Nậm Loông (xã Nậm Loông)	1	1	1				1	1	1			
5	Các xã: Nậm Loông, San Thàng	1,44	1,1	1,0	1,2	1,0		1,44	1,1	1,0		1,2	1
V	Huyện Sìn Hồ												
	Các xã trên địa bàn huyện	1,38	1,1	1	1,14	1		1,38	1,1	1		1,14	1
VI	Huyện Phong Thổ												
	Các xã trên địa bàn huyện	1,44	1,1	1	1,2	1		1,44	1,1	1		1,2	1
VII	Huyện Nậm Nhùn												
	Các xã trên địa bàn huyện	1,38	1,1	1	1,14	1		1,38	1,1	1		1,14	1
VIII	Huyện Mường Tè												
	Các xã trên địa bàn huyện	1,38	1,1	1	1,14	1		1,38	1,1	1		1,14	1

2/10/20



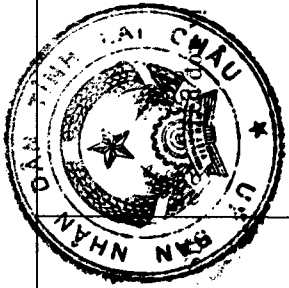


HỆ SỐ ĐIỀU CHỈNH GIÁ ĐẤT TẠI ĐÔ THỊ

Ban hành kèm theo Quyết định số: 01 /2019/QĐ-UBND ngày 21 /01 /2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu

Stt	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2019									
		Từ	Đến	Đất ở			Đất thương mại, dịch vụ; đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp không phải là đất thương mại dịch vụ tại đô thị						
				VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3				
I	Huyện Tân Uyên												
1	Quốc lộ 32	Đầu cầu Mường Cang	Hết ranh giới đất hạt Kiểm lâm	2	1,5	1	2	1,5	1				
2	Quốc lộ 32	Tiếp giáp ranh giới đất hạt Kiểm lâm	Hết ranh giới đất Sân vận động	2	1,5	1	2	1,5	1				
3	Quốc lộ 32	Hết ranh giới đất Sân vận động	Tiếp giáp Ngã ba Quốc lộ 279	2	1,5	1	2	1,5	1				
4	Quốc lộ 32	Ngã ba Quốc lộ 279	Hết ranh giới đất nhà ông Chiêng	2	1,5	1	2	1,5	1				
5	Quốc lộ 32	Tiếp giáp ranh giới đất nhà ông Chiêng	Hết địa phận thị trấn Tân Uyên	2	1,5	1	2	1,5	1				
6	Các tuyến đường, vị trí còn lại trên địa bàn huyện			1,5	1,25	1	1,5	1,25	1				
II	Huyện Tân Uyên												
1	Quốc lộ 32	Phía Bắc cầu Hười Chàng Nội	Hết cửa hàng Xăng dầu số 8 Chi nhánh xăng dầu Lai Châu	1,1	1,05	1	1,1	1,05	1				1

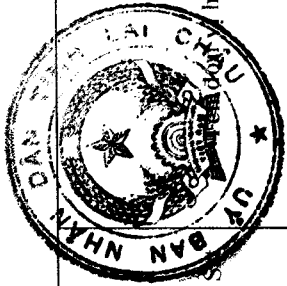
Stt	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường	Điền	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2019					
				Đất ở			Đất thương mại, dịch vụ; đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp không phải là đất thương mại dịch vụ tại đô thị		
	Từ			VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3
2	Quốc lộ 32	Tiếp giáp cửa hàng Xăng dầu số 8 Chi nhánh xăng dầu Lai Châu	Hết công T0 3	1,1	1,05	1	1,1	1,05	1
3	Quốc lộ 32	Phía Nam cầu Huổi Chăng Nội	Hết ranh giới đất Chi cục thuế	1,1	1,05	1	1,1	1,05	1
4	Quốc lộ 32	Tiếp giáp ranh giới đất Chi cục thuế	Hết địa phận thị trấn Tân Uyên (giáp xã Thân Thuộc)	1,1	1,05	1	1,1	1,05	1
5	Quốc lộ 32	Tiếp giáp công T0 3	Hết địa phận thị trấn (giáp xã Phúc Khoa)	1,1	1,05	1	1,1	1,05	1
6	Nhánh Quốc lộ 32	Đường rẽ vào nhà thi đấu thể thao	Cổng bệnh viện mới	1,7	1,35	1	1,7	1,35	1
Khu Trung tâm Hành chính - Chính trị huyện									
7	Nhánh Quốc lộ 32	Chi cục thuế huyện đi bờ hồ	Tiếp giáp đoạn đường rẽ đi Trường THPT Nội trú huyện	2			2		
8	Nhánh Quốc lộ 32	Đoạn đường rẽ đi Trường mầm non số 01	Tiếp giáp trường THPT Nội trú huyện	2			2		
9	Nhánh Quốc lộ 32	Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT huyện	Hết ranh giới đất Trung tâm viên thông huyện	2			2		
10	Nhánh Quốc lộ 32	Công an huyện	Hết ranh giới đất Chi cục thống kê huyện	2			2		
11	Các tuyến đường, vị trí còn lại, trên địa bàn huyện			1	1	1	1	1	1
III	Huyện Tam Đường								



		Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2019				
				Đất ở		Đất thương mại, dịch vụ; đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp không phải là đất thương mại dịch vụ tại đô thị		
	hành chính	Từ	Đến	VT1	VT2	VT1	VT2	VT3
1	Đường 36 m	Cầu Tiên Bình	Tiếp giáp đường số 6	1,5	1,25	1,5	1,25	1
2	Các tuyến đường, vị trí còn lại trên địa bàn huyện			1	1	1	1	1
IV	Thành phố Lai Châu							
1	Đường Trần Hưng Đạo	Tiếp giáp đường Trần Phú	Tiếp giáp đường Huỳnh Thúc Kháng	3	1,5	3	1,5	1
2	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Huỳnh Thúc Kháng	Hết Siêu thị Quang Thanh	3	1,5	3	1,5	1
3	Đường Trần Hưng Đạo	Tiếp giáp Siêu thị Quang Thanh	Tiếp giáp đường Vừ A Dính	3	1,5	3	1,5	1
4	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Vừ A Dính	Tiếp giáp đường Bế Văn Đàn	3	1,5	3	1,5	1
5	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Bế Văn Đàn	Tiếp giáp đường Tôn Đức Thắng	3	1,5	3	1,5	1
6	Đường Nguyễn Trãi	Đường Tôn Đức Thắng	Tiếp giáp ngã 3 rẽ đường Trần Can	2	1,5	2	1,5	1
7	Đường Nguyễn Trãi	Ngã 3 rẽ đường Trần Can	Tiếp giáp công trường tiểu học Năm Loông	2	1,5	2	1,5	1

CMNB

Stt	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2019					
		Từ	Đến	Đất ở			Đất thương mại, dịch vụ; đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp không phải là đất thương mại dịch vụ tại đô thị		
				VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3
8	Đường Lê Duẩn	tiếp giáp đường Trần Phú	Tiếp giáp đại lộ Lê Lợi	2	1,5	1	2	1,5	1
9	Đường Trường Chinh	Đại lộ Lê Lợi	Tiếp giáp đường Nguyễn Hữu Thọ	2	1,5	1	2	1,5	1
10	Đường Trường Chinh	Đường Nguyễn Hữu Thọ	Tiếp giáp đường 30/4	2	1,5	1	2	1,5	1
11	Đường Trần Phú	Tiếp giáp đường Trần Hưng Đạo	Tiếp giáp Đại lộ Lê Lợi	3	1,5	1	3	1,5	1
12	Đại lộ Lê Lợi	Tiếp giáp đường Lê Duẩn	Hết khu dân cư số 2 giai đoạn 1	2,5			2,5		
13	Đường Nguyễn Chí Thanh	Tiếp giáp đường Lê Duẩn	tiếp giáp đường Trần Phú	2	1,5	1	2	1,5	1
14	Đường Nguyễn Chí Thanh	Đường Trần Phú	Tiếp giáp đường 19-8 và đường Điện Biên Phủ	2	1,5	1	2	1,5	1
15	Đường Vũ A Đình	Tiếp giáp đường Trần Hưng Đạo	Tiếp giáp phố Chiêu Tấn	3	1,5	1	3	1,5	1
16	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Nguyễn Trãi	Hết ranh giới đất Trường lái xe cơ giới	3	1,5	1	3	1,5	1
17	Đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp Trường lái xe cơ giới	Tiếp giáp đường Bé Văn Đàn	3	1,5	1	3	1,5	1



	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2019					
	Từ	Đến	Đất ở			Đất thương mại, dịch vụ; đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp không phải là đất thương mại dịch vụ tại đô thị		
			VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3
18	Đường 19-8	Đường Bê Văn Đàn	3	2	1	3	2	1
19	Đường 19-8	Phố Chiêu Tấn	3	2	1	3	2	1
20	Đường Điện Biên Phủ	Đường Nguyễn Chí Thanh	3	2	1	3	2	1
21	Đường Điện Biên Phủ	Đường Lò Văn Hặc	3	2	1	3	2	1
22	Đường 30-4	Đường Nguyễn Hữu Thọ	3	3	3	3	3	3
23	Đường 30-4	Tiếp giáp Bệnh viện tỉnh mới	3	2	1	3	2	1
24	Đường 30-4	Đường Võ Văn Kiệt	3	2	1	3	2	1
25	Đường Chu Văn An	Tiếp giáp đường Ngô Quyền	2	1,5	1	2	1,5	1
26	Đường Chu Văn An	Tiếp giáp đường Huỳnh Thúc Kháng	2	2	2	2	2	2
27	Đường Ngô Quyền	Tiếp giáp phố Chiêu Tấn	2	2	2	2	2	2

Stt	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2019					
		Từ	Đến	Đất ở			Đất thương mại, dịch vụ; đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp không phải là đất thương mại dịch vụ tại đô thị		
				VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3
28	Đường Ngô Quyền	Tiếp giáp Huỳnh Thúc Kháng	Tiếp giáp đường Nguyễn Chí Thanh	2			2		
29	Đường Huỳnh Thúc Kháng	Tiếp giáp đường 19/8	Tiếp giáp đường Trần Hưng Đạo	2	1,5		2	1,5	
30	Đường Hồ Tùng Mậu	Tiếp giáp đường 19/8	Tiếp giáp đường Trần Phú	2			2		
31	Đài lộ Lê Lợi kéo dài	Tiếp giáp KDC số 2 giai đoạn 1	Tiếp giáp đất nhà ông Sùng Páo Ly	2,5			2,5		
32	Các tuyến đường, phố, ngõ, vị trí còn lại trên địa bàn thành phố			1	1	1	1	1	1
V	Huyện Sin Hồ								
1	Đường nội thị	Ngã tư Bưu điện	Hết địa phận chợ	1,6	1,3	1	1,6	1,3	1
2	Đường nội thị	Công phòng Tài chính	Ngã ba đường đi trường PTDT Nội trú	1,6	1,3	1	1,6	1,3	1
3	Đường nội thị	Ranh giới đất nhà ông Hiền-Hòa (giáp chợ)	Hết ranh giới đất nhà bà Lai	1,6	1,3	1	1,6	1,3	1
4	Đường nội thị	Ranh giới đất nhà ông Hùng-Thim	Hết ranh giới đất trụ sở BQLĐATĐC huyện	1,6	1,3	1	1,6	1,3	1
5	Đường nội thị	Ngã tư Bưu điện	Hết ranh giới đất nhà bà Nga-Uân	1,6	1,3	1	1,6	1,3	1
6	Đường nội thị	Ranh giới đất trường Mầm non	Hết ranh giới đất nhà ông Châu	1,6	1,3	1	1,6	1,3	1



		Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2019					
				Đất ở		Đất thương mại, dịch vụ; đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp không phải là đất thương mại dịch vụ tại đô thị			
						VT1	VT2	VT3	VT1
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3
7	Đường nội thị	Công phòng Tài chính qua Chi cục Thuế huyện	Hết ranh giới đất nhà bà Thủy-Xương	1,6	1,3	1	1,6	1,3	1
8	Đường nội thị	Công trường PTDT Nội trú huyện	Tiếp giáp công Bệnh viện	1,6	1,3	1	1,6	1,3	1
9	Đường nội thị	Tiếp giáp ranh giới đất ông Long-Thanh	Tiếp giáp đường B1-giai đoạn 2	1,6	1,3	1	1,6	1,3	1
10	Đường nội thị	Ranh giới đất nhà bà Bà	Tiếp giáp đường B1-giai đoạn 1	1,6	1,3	1	1,6	1,3	1
11	Đường B1 GD 1	Tiếp giáp ranh giới đất Khách sạn Thanh Bình	Hết công Bệnh viện	1,6	1,3	1	1,6	1,3	1
12	Đường B1 GD 2	Tiếp giáp công Bệnh viện	Tiếp giáp ngã 4 đường đi Hoàng Hồ	1,6	1,3	1	1,6	1,3	1
13	Đường B1 GD 2	Ngã tư đường đi Hoàng Hồ	Tiếp giáp tinh lộ 128	1,6	1,3	1	1,6	1,3	1
14	Đường nội thị	Tiếp giáp ranh giới đất nhà ông Từ	Hết ranh giới đất nhà ông Triều-Sợi	1,6	1,3	1	1,6	1,3	1
15	Đường nội thị	Tiếp giáp đường B1 giai đoạn 1	Tiếp giáp đường nội thị đoạn từ ranh giới đất nhà ông Hiền Hòa (giáp chợ) đến hết ranh giới nhà bà Lai	1,6	1,3	1	1,6	1,3	1
16	Các tuyến đường, vị trí còn lại trên địa bàn huyện			1	1	1	1	1	1
VI	Huyện Phong Thổ								
1	Quốc lộ 12	Km 18 (Ranh giới quy hoạch thị trấn Phong Thổ)	Cầu sang khu TĐC Huổi Luông	2	1,5	1	2	1,5	1
2	Quốc lộ 12	Đầu cầu sang khu TĐC Huổi Luông	Cầu Pa So	2			2		

am

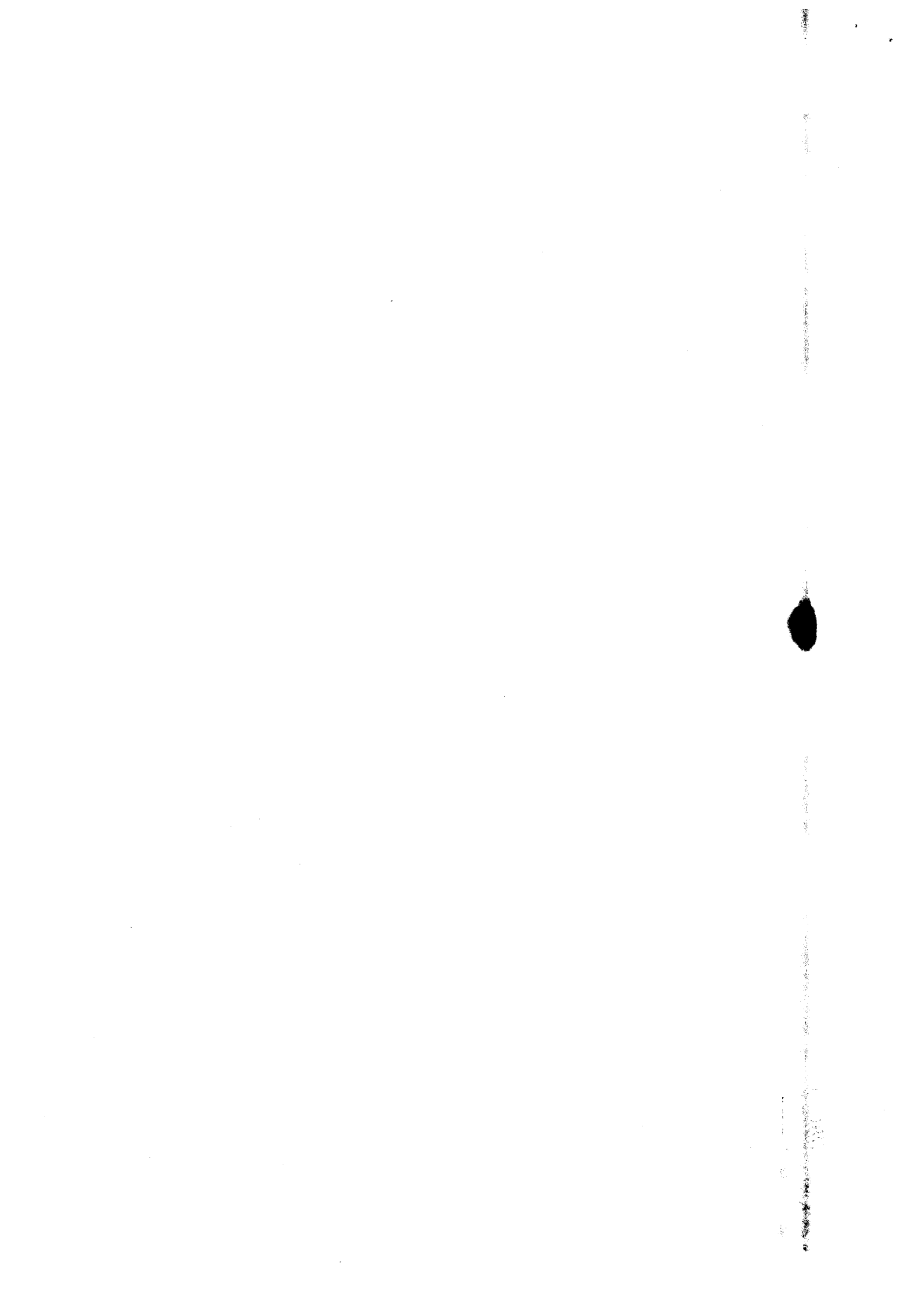
Stt	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2019					
		Từ	Đến	Đất ở			Đất thương mại dịch vụ đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp không phải là đất thương mại dịch vụ tại đô thị		
				VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3
3	Quốc lộ 12	Từ cầu Pa So	Km 20+200 (Nhà máy nước)	2			2		
4	Quốc lộ 12	Từ Km 20+200	Km21 (Hết Bệnh viện)	2	1,5	1	2	1,5	1
5	Quốc lộ 12	từ Km21	Km21+300 (Hết quy hoạch mở rộng trung tâm thị trấn Phong Thổ)	2	1,5	1	2	1,5	1
6	Quốc lộ 12		Km25+500 (Hết địa phận Thị trấn Phong Thổ)	2	1,5	1	2	1,5	1
7	Đường nội thị đây 1 sau đường Quốc lộ 4D	Đầu đường	Cuối đường	1,4	1,2	1	1,4	1,2	1
8	Các tuyến đường, vị trí còn lại trên địa bàn huyện			1	1	1	1	1	1
VII	Huyện Nậm Nhùn								
1	Tỉnh lộ 127	Tiếp giáp cầu Nậm Bắc	Hết cầu Nậm Nhùn	4	2	1	4	2	1
2	Đường 36	Tiếp giáp tỉnh lộ 127	Suối Nậm Bắc	2,3	1,65	1	2,3	1,65	1
3	Đường D1	Đầu đường	Cuối đường	1,5	1,25	1	1,5	1,25	1

DNT



		Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2019						
				Đất ở			Đất thương mại, dịch vụ; đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp không phải là đất thương mại dịch vụ tại đô thị			
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3	
4	Đường D2	Đầu đường	Cuối đường	1,5	1,25	1	1,5	1,25	1	
5	Đường D3	Đầu đường	Cuối đường	1,5	1,25	1	1,5	1,25	1	
6	Các tuyến đường, vị trí còn lại trên địa bàn huyện			1	1	1	1	1	1	
VIII	Huyện Mường Tè									
1	Các tuyến đường, vị trí trên địa bàn huyện			1,5	1,3	1	1,5	1,3	1	

Handwritten signature or mark.





**HỆ SỐ ĐIỀU CHỈNH GIÁ ĐẤT TẠI KHU KINH TẾ
CỬA KHẨU MA LÙ THÀNG**

theo Quyết định số: 01 /2019/QĐ-UBND ngày 09 / 01 /2019 của
UBND tỉnh Lai Châu)

STT	Tên đường, khu đất	Đoạn đường		VT1	VT2	VT3
		Từ	Đến			
1	Quốc lộ 12 (28m)	Tiếp giáp điểm giao với đường B4	Km1	1,27	1,1	1,0
2	Lô số 1			1,27		
3	Lô số 2			1,27		
4	Lô số 3			1,27		
5	Lô số 4			1,27		
6	Khu vực Pô Tô. xã Huổi Luông			1,27	1,1	1,0
7	Khu (M5, M6, M7)				1,27	

**II. ĐẤT THƯƠNG MẠI, DỊCH VỤ; ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG
PHẢI ĐẤT THƯƠNG MẠI, DỊCH VỤ**

STT	Tên đường, khu đất	Đoạn đường		VT1	VT2	VT3
		Từ	Đến			
1	Quốc lộ 12 (28m)	Tiếp giáp điểm giao với đường B4	Km1	1,27	1,1	1,0
2	Đường B5	Đầu đường	Điểm giao với đường B5 kéo dài	1,27	1,1	1,0
3	Đường 13,5 m	Đầu đường	Cuối đường	1,27	1,1	1,0
4	Đường tuần tra	Km0 + 00	Km0 + 485,65		1,27	
5	Khu (M1, M2, M3, M4)				1,27	

Handwritten signature

